

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 335/2026/DS-ST
Ngày 17 - 6 - 2026
V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đồng Tình

Ông Trần Hoàng Nghiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Chí Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 520/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc “tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 435/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị A, sinh năm 1966.

CCCD số: 096166005310.

Địa chỉ: Ấp D, xã T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Từ Thanh N, sinh năm 1968 (có mặt).

CCCD số: 096168004758.

Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Cà Mau.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 11/11/2025).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Trung T (Huỳnh Văn A), sinh năm 1979 (vắng mặt).

CCCD số: 096079008759.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn:

1. Bà Đoàn Ngọc S, sinh năm 1954 (vắng mặt).

CCCD số: 096154002723.

2. Ông Huỳnh Quốc T1 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Hải D là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đoàn Ngọc S, sinh năm 1954 (vắng mặt).

CCCD số: 096154002723.

2. Bà Nguyễn Thúy E (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/4/2017 (âm lịch) bà A là chủ hội, có mở dây hội 1.000.000 đồng, hội 01 tháng khai 01 lần, có 21 chung, ông A (danh sách hội ghi A), tham gia chơi 02 chung, 02 chung hội này ông A đã bỏ hội và hốt, bà A đã chung hội đầy đủ cho ông A, đến nay còn 09 lần hội chết ông A không đóng với số tiền là 09 kỳ x 02 chung x 1.000.000đ = 18.000.000 đồng.

Ngày 20/5/2017 (âm lịch) bà A tiếp tục mở dây hội loại hội 1.000.000 đồng, hội 01 tháng khai 01 lần, có 21 chung, ông A (danh sách hội ghi A), tham gia chơi 02 chung, 02 chung hội này ông A đã bỏ hội và hốt, bà A đã chung hội đầy đủ cho ông A, ông A đóng được 12 lần, còn lại 08 lần ông A không đóng với số tiền là 08 kỳ x 02 chung x 1.000.000đ = 18.000.000 đồng.

Ngày 09/8/2017 (âm lịch) bà A có mở dây hội, loại hội 5.000.000 đồng, 06 tháng khai 01 lần, có 14 chung, ông A (danh sách hội ghi chế S), tham gia chơi 01 chung, chung hội này ông A đã bỏ hội và hốt, bà A đã chung hội đầy đủ cho ông A, ông A đóng hội chết được vài lần, đến nay còn 04 lần ông A không đóng với số tiền là 04 kỳ x 01 chung x 5.000.000đ = 20.000.000 đồng.

Tất cả các dây hội đến nay đã kết thúc, tổng số tiền ông A còn nợ bà A là 54.000.000 đồng. Nay bà A yêu cầu ông A trả số tiền này cho bà A.

Ông T trình bày:

Khoảng năm 2017 ông và vợ ông là Nguyễn Thúy E có tham gia hội do bà A làm chủ hội, ông có tên thường gọi là A nên trong danh sách hội thường ghi là A hoặc A (là tên mẹ ông Đoàn Ngọc S), việc tham gia hội cụ thể như thế nào thì ông không biết do thời điểm đó vợ ông là người trực tiếp tham gia và giao dịch với bà A, quá trình tham gia bà A có yêu cầu ông chốt nợ với bà A, ông có ký nhận nợ bà A khoảng 26, 27 triệu đồng (không nhớ số tiền cụ thể), biên nhận do bà A giữ, thời gian sau ông và vợ ông không còn chung sống với nhau, vợ ông đi làm ăn xa

không có mặt ở địa phương. Nay bà A yêu cầu ông trả số tiền nợ 54.000.000 đồng, ông chỉ đồng ý trả số tiền khoảng 26, 27 triệu đồng, số tiền còn lại ông không biết nên ông không đồng ý, ông yêu cầu được trả dần.

Tại thời điểm lập biên bản ông xác định ông tỉnh táo, minh mẫn, nhận thức tốt, tuy nhiên ông có bệnh về tâm lý, thần kinh, nhiều thời điểm không kiểm chế được cảm xúc, kiểm soát được hành vi, ông uống thuốc hàng ngày và được nhận tiền trợ cấp hàng tháng (bà S là người nhận thuốc nhận tiền).

Ông xác định đồng ý trả cho bà A 26.000.000 đồng, không yêu cầu bà Nguyễn Thúy E có trách nhiệm trả nợ với ông, yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bà S trình bày:

Con bà tên trong giấy tờ là Huỳnh Trung T, tên thường gọi tại địa phương là Huỳnh Văn A, thời điểm trước năm 2014 ông T có dấu hiệu bị bệnh về thần kinh, có điều trị nhưng không khỏi, năm 2014 Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy xác nhận khuyết tật, đến năm 2015 Ủy ban nhân dân huyện T ra quyết định trợ cấp xã hội cho ông T, ông Thu N1 thuốc uống hàng tháng và hiện nay ông T vẫn đang bị bệnh. Bà A khởi kiện ông T trả tiền hội, tuy nhiên danh sách hội có ghi tên của bà, bà xác định không có tham gia hội do bà A làm chủ hội, bà cũng không biết ông T có tham gia hội và có nợ bà Ảnh hay không, bà không có liên quan gì trong vụ án này, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt đến khi kết thúc vụ án.

Ông T2 trình bày:

Con ông là Huỳnh Trung T, tên thường gọi là Huỳnh Văn A, có vợ là Nguyễn Thúy E, ông T và bà E không còn chung sống khoảng 06 năm, bà E đã đi làm ăn ở địa phương khác, không biết địa chỉ cụ thể, việc vợ chồng ông T tham gia hội của bà A như thế nào thì ông không biết do ông T ở riêng với ông, ông T có bệnh lý về thần kinh hơn 10 năm, có xác nhận của cơ quan chức năng, hàng tháng đều lãnh thuốc uống và nhận tiền trợ cấp. Do đã có quyết định của cơ quan chức năng về bệnh của ông T nên ông không yêu cầu giám định.

Bà E không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bị đơn trả số tiền hội là 54.000.000 đồng, không yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thúy E.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 26.000.000 đồng, do nguyên đơn yêu cầu 54.000.000 đồng nhưng không có tài liệu chứng minh nên căn cứ lời thừa nhận của bị đơn còn nợ nguyên đơn 26.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự có mặt chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy

định, các đương sự vắng mặt chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 26.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 28.000.000 đồng.

Án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông T, bà S yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T2, bà Thúy E đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hội thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo giấy xác nhận khuyết tật của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (cũ) thì bị đơn bị khuyết tật nặng về thần kinh và được hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên theo Quyết định số: 1816/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không yêu cầu giám định về năng lực hành vi của bị đơn nên Tòa án không tiến hành giám định, Tòa án đưa ông Huỳnh Quốc T2, bà Đoàn Ngọc S là cha mẹ ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người giám hộ nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hội là 54.000.000 đồng. Theo nguyên đơn xác định bị đơn có tham gia hội do bị đơn làm chủ hội, trong đó ngày 10/4/2017 âm lịch tham gia 02 chung, ngày 20/5/2017 âm lịch tham gia 02 chung, cùng loại 1.000.000 đồng; ngày 09/8/2017 tham gia 01 chung loại 5.000.000 đồng, quá trình tham gia bị đơn đã hót hết các chung hội nhưng đóng hội chết không đầy đủ và còn nợ 54.000.000 đồng, Bị đơn xác định có tham gia hội do nguyên đơn làm chủ hội nhưng không nhớ chi tiết về các dây hội, thừa nhận còn nợ 26.000.000 đồng. Như vậy việc bị đơn có tham gia hội do nguyên đơn làm chủ hội là có xảy ra trên thực tế được các bên thừa nhận.

Về số tiền hội còn nợ: Các bên không thống nhất nhau, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn xác định bị đơn còn nợ 54.000.000 đồng tuy nhiên ngoài danh sách hội và lời trình bày của mình, nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh bị đơn còn nợ 54.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận còn nợ 26.000.000 đồng nên cần chấp nhận lời thừa nhận của bị đơn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ, không yêu cầu trách nhiệm bà Nguyễn Thúy E, bị đơn thống nhất trả, không yêu cầu bà Thúy E cùng trả với ông và yêu cầu trả dần. Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên buộc bị đơn trả toàn bộ số nợ nêu trên là có căn cứ.

Đối với bà Thúy E, bà S, ông T2 không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn do thuộc trường hợp là người cao tuổi, bị đơn được miễn do thuộc trường hợp là người khuyết tật nặng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Á.

Buộc ông Huỳnh Trung T (Huỳnh Văn A) trả cho bà Lê Thị Á 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Á về việc yêu cầu ông Huỳnh Trung T (Huỳnh Văn A) trả số tiền 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

3. Về án phí:

- Bà Lê Thị Á được miễn, hoàn trả lại cho bà Ảnh 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004297 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

- Ông Huỳnh Trung T (Huỳnh Văn A) được miễn.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đồng Tình

Trần Hoàng Nghiệp

Hồ Dũng Liêm

